

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HS-ST
Ngày: 21-06-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Qui

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Lê Thị Thanh Nhàn

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 06 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2019/HSST ngày 16 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 06 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Tố N**; tên gọi khác: P; sinh năm: 1974; nơi sinh: B; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Huê Q, sinh năm 1938 (đã chết); con bà Chung Tú A sinh năm 1939, cư trú tại: đường N, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chồng: Trần Văn T, sinh năm 1974, hiện cư trú tại: thành phố H, có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến nay (có mặt).

Bị hại: Ông Bùi Ngọc L, sinh năm 1968; Nơi cư trú: xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Trí Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn n, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn vắng mặt)

2/ Bà R, sinh năm 1972; Nơi cư trú: phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn vắng mặt)

3/ Bà Nh, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

4/ Ông C, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn vắng mặt)

5/ Chị H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

6/ Chị T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người làm chứng: Anh Võ Chí C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: đường Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2017 Huỳnh Tố N quen biết với ông Bùi Ngọc L. Quá trình quen biết, N có vay tiền của ông L và có thể chấp cho ông L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T77394 mang tên Trần Văn T và Huỳnh Tố N đồng thời có viết cho ông L giấy mượn tiền. Tháng 12/2017 N gặp L để xin lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên với lý do để lo công việc kiếm tiền trả nợ cho ông L nên ông L đồng ý.

Đến tháng 4/2018, vợ chồng Nh và K' Đ, đã đưa cho N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 037780 mang tên K'T và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 275926 mang tên C để cầm cố lấy số tiền 40.000.000 đồng. N đồng ý và cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến gặp ông Bùi Ngọc L đặt vấn đề cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này lấy 80.000.000 đồng. Ông L cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hứa với N sẽ đưa tiền vào hôm sau. Sau đó, ông L không đưa tiền cho N, N đã liên lạc với ông L nhiều lần để đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nhưng ông L nói N phải trả hết số tiền N đã nợ ông L trước đó là 325.000.000 đồng thì ông L mới trả lại N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Do sau khi đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Ngọc L mà không nhận được tiền và bị Nh thúc giục nên vào ngày 23/04/2018, N gọi điện thoại cho ông L nói dối là sẽ chuyển nhượng thửa đất của vợ chồng N cho ông L với số tiền là 800.000.000 đồng và sẽ trả nợ cho ông L số tiền 325.000.000 đồng, ông L phải đưa trước cho N số tiền 80.000.000 đồng để làm thủ tục sang tên, số tiền còn lại sau khi chuyển nhượng xong thì thanh toán sau, ông L đồng ý. Sau đó, N điện thoại nhờ R, gặp vợ chồng Nh để mượn thêm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nữa, với mục đích cho ông L nhìn thấy để ông L tưởng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà N. Đồng thời N điện thoại cho Võ Trí Đ, nhờ Đ giả làm chủ nợ của N và đang giữ sổ đỏ của N.

Khoảng 13 giờ ngày 24/4/2018, N điện thoại hẹn ông L đến quán cà phê Quyên, địa chỉ: 67 đường L Thế Vinh, phường 1, Tp.Bảo Lộc để giao tiền. Tại đây, Đ cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N đưa cho từ trước, cuộn tròn lại rồi nói với ông L “*Sổ đất nhà chị N tôi đang cầm, anh đưa tiền thì tôi sẽ giao lại sổ này cho chị N*”. Ông L nghe vậy thì lấy 80.000.000 đồng đặt ở trên mặt bàn cho Đ. Trong lúc Đ đếm tiền thì N đi ra ngoài gọi điện thoại cho Đ nói Đ

cầm tiền của ông L rồi chạy đi, nhưng Đ không đồng ý làm theo nên N quay lại giật lấy số tiền 80.000.000 đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tay Đ rồi bỏ chạy ra khỏi quán. Ông L và Đ đuổi theo N nhưng không kịp. Trên đường đi về, Đ gặp N đang núp ở trong gốc cây ven đường, nên N nhờ Đ chở về phòng trọ. Sau khi lấy được số tiền 80.000.000 đồng, N đã đưa cho bà Nh 40.000.000 đồng và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mượn trước đó, số tiền còn lại N dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Số tiền 40.000.000 đồng nhận được từ N, Nh đã đưa cho C 20.000.000 đồng và đưa cho K' S 20.000.000 đồng (do trước đó C và K'S đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình cho Nh để nhờ vay tiền hộ).

Về tang vật: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản chính BV037780 ghi tên chủ sở hữu là K'T.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản chính số AE275926 ghi tên chủ sở hữu là C.

Về trách nhiệm dân sự: ông Bùi Ngọc L yêu cầu bị can Huỳnh Tố N phải trả lại số tiền 80.000.000 đồng đã chiếm đoạt vào ngày 24/4/2018 và số tiền đã vay trước đó là 325.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 09 tháng 05 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã truy tố các bị cáo Huỳnh Tố N về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì nội dung của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 42 đến 48 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản chính BV037780 ghi tên chủ sở hữu là K' T, trả lại cho bà Nh để Nh giao lại cho chủ sử dụng đất

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản chính số AE275926 ghi tên chủ sở hữu là C trả lại cho ông C.

- Trả cho ông Bùi Ngọc L 20.000.000đ do bà Nh nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Huỳnh Tố N có trách nhiệm trả cho ông Bùi Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng đã chiếm đoạt vào ngày 24/4/2018; đối với số tiền đã vay trước đó là 325.000.000 đồng là giao dịch dân sự nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi ông L có yêu cầu.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với viện kiểm sát

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bảo Lộc; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến thắc mắc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bị cáo là người đã thành niên, bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Ngọc L để ông L mang tiền đến giao, khi ông L giao tiền cho Võ Trí Đ cầm thì bị cáo đã giật lấy số tiền 80.000.000đ của ông L rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt số tiền trên là hành vi vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án, đủ căn cứ kết luận bị cáo Huỳnh Tố N đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ của bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương nói riêng và trật tự xã hội nói chung, xét cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, bị cáo có nơi cư trú không ổn định cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Do hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông K'T và ông C do bà Nh là người trực tiếp giao cho bị cáo N để nhận số tiền 40.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay bị cáo N và bà Nh trình bày trước đó bà Nh đã trả cho bị cáo N 18.200.000đ và hôm nay bà Nh đã tự nguyện nộp 20.000.000đ, bà yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên C cho ông C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên K'T cho bà để bà trả lại cho chủ sử dụng đất. Trong quá trình điều tra, ông K'T trình bày thừa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 037780 đứng tên K'T do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp là của ông nhưng ông đã cho em gái là T và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T, không còn liên quan gì đến thừa đất, khi cho chỉ nói miệng không lập văn bản gì. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa T trình bày đã chuyển

nhượng thửa đất trên cho vợ chồng H, không còn liên quan đến thửa đất, chị H trình bày sau khi nhận chuyển nhượng từ T thì giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Nh nhờ bà Nh vay số tiền 20.000.000đ nhưng hôm nay bà đã trả cho bà Nh 20.000.000đ nên đề nghị Tòa án giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên K'T cho bà Nh để bà Nh trả lại cho bà nên Hội đồng xét xử:

- Giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 037780 đứng tên K'T do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 28/10/2014 cho bà Nh để bà Nh trả lại cho chủ sử dụng đất.

- Trả cho ông C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 275926 đất đứng tên ông C do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 03/10/2006.

- Đối với số tiền 20.000.000đ bà Nh nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc nên giao trả cho ông Bùi Ngọc L.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015

Bị cáo Huỳnh Tổ N có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng đã chiếm đoạt vào ngày 24/4/2018

Đối với số tiền đã vay trước đó là 325.000.000 đồng là giao dịch dân sự nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khi ông L có yêu cầu.

[7] Đối với hành vi của Võ Trí Đ đã giúp N đóng giả là chủ nợ của N để lừa ông L giao tiền cho Đ cầm nhưng khi thực hiện hành vi Đ không biết mục đích của N là chiếm đoạt tiền của L và Đ không thực hiện theo yêu cầu của N là cầm tiền bỏ chạy. N trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật và bỏ chạy một mình. Khi Đ đi về thì gặp N đang núp trong gốc cây nên giúp chở N về phòng trọ và không được hưởng lợi gì từ hành vi của N. Do đó, hành vi của Đ không cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với vai trò đồng phạm và cũng không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” và “Che giấu tội phạm” theo quy định tại Điều 390 và Điều 389 BLHS nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trên của Đ.

Đối với R, là người giúp N mượn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng Nh nhưng do R không tham gia và cũng không biết về hành vi phạm tội của N nên hành vi của R không vi phạm pháp luật hình sự.

Sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội, N đã đưa cho Nh số tiền 40.000.000 đồng. Nh đã dùng số tiền này để đưa cho K' C và K'S. Nh không biết số tiền này là do Huỳnh Tổ N phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nh.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tổ N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Huỳnh Tổ N 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 037780 đứng tên K'T do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 28/10/2014 cho bà Nh để trả lại cho chủ sử dụng đất.

- Trả cho ông C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 275926 đứng tên ông C do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 03/10/2006.

- Trả cho ông Bùi Ngọc L số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2013/0000131 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015

Buộc bị cáo Huỳnh Tổ N có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Ngọc L số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Tổ N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân thành phố Bảo Lộc;
- Công an thành phố Bảo Lộc;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Bảo Lộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A thành phố Bảo Lộc;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Qui.

